**NGÀY SOẠN:**

**TUẦN 24**

**TIẾT: 43 + 44**

**ÔN TẬP CHƯƠNG 6**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kỹ năng:**

- Kiến thức:

+ Nhận biết được tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán.

+ Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch. Giải được một số bài toán đơn giản về các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch.

- Kĩ năng:

+ Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán.

+ Giải được một số bài toán đơn giản về các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch.

**2. Năng lực:**

- Năng lực tự chủ và tự học trong tìm tòi, khám phá.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác trong trình bày, thảo luận và làm việc nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong thực hành, vận dụng.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực, trách nhiệm, chăm chỉ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

-Thước thẳng, compa, bảng phụ, bản trình chiếu, mẫu giấy như hình 1a.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

-Tập, sách giáo khoa, thước kẻ, bút.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp: (2 phút)**

- Kiểm tra sĩ số học sinh.

- Học sinh hát tập thể.

**2. Nội dung:**

**2.1. Kiểm tra bài cũ:** Không.

**2.2. Các hoạt động dạy học:**

**A. Khởi động (3 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| ***Mục tiêu:*** Củng cố lại các kiến thức trọng tâm của chương 6.  ***Phương pháp:*** GV dùng phương pháp trực quan: đưa một số thẻ ghi nội dung các kiến thức đã học, học sinh lựa chọn các thẻ là nội dung đã được học trong chương 6.  ***Hình thức tổ chức hoạt động***: cá nhân.  ***Phương tiện dạy học:*** một số thẻ ghi nội dung các kiến thức đã học, trong đó có các thẻ ghi nội dung được học trong chương 6.  ***Sản phẩm***: Các thẻ là những đơn vị kiến thức đã được học trong chương 6. | |
| GV cho HS quan sát hình ảnh một số thẻ ghi nội dung các kiến thức đã học, học sinh lựa chọn các thẻ là nội dung đã được học trong chương 6.  -GV hệ thống lại các kiến thức trong chương | -Hình thành tư duy cho HS những đơn vị kiến thức đã được học trong chương 6. |

**B. Ôn tập chương (65 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Hoạt động 1: Tỉ lệ thức\_ dãy tỉ số bằng nhau (20 phút)**  ***Mục tiêu:*** HS nhận biết được tỉ lệ thức và tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán.  ***Phương pháp***: Thực hành trải nghiệm, vấn đáp.  ***Hình thức tổ chức hoạt động:*** cá nhân, nhóm nhỏ.  ***Phương tiện dạy học:*** phiếu học tập.  ***Sản phẩm:*** Nhận biết được tỉ lệ thức và tính chất của dãy tỉ số bằng nhau. Vận dụng được tính chất của tỉ lệ thức trong giải toán. | |
| - GV cho hs nhắc lại tính chất của dãy tỉ số bằng nhau.  - GV tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân hoàn thành bài 1a.  - Học sinh hoạt động cá nhân làm bài trên phiếu cá nhân.  - Gv cho 1 hs lên bảng làm bài, lớp nhận xét.  - GV nhận xét, củng cố lại kiến thức.  - GV đặt vấn đề, cho một số HS nêu cách làm, các HS khác nhận xét.  - GV đánh giá, hướng dẫn hs chọn ra phương pháp phù hợp giải quyết bài toán.  - GV tổ chức cho HS làm bài 1b theo nhóm.  - HS hoạt động nhóm (4 em một nhóm).  - GV cho 2 nhóm trình bày sản phẩm.  Các nhóm khác nhận xét, GV đánh giá.  - GV cho HS nhắc lại kiến thức về dãy tỉ số bằng nhau đã học trong bài 1.  - GV tổ chức cho HS thực hiện bài 4 trang 23.  - HS thực hiện vào vở, 2 HS lên bảng làm bài.  HS khác nhận xét 🡪GV chốt. | *Bài 1 trang 23*:   1. Ta có:     *Bài 4 trang 23*:   1. Ta có:   2:3:5 và x+y+z=30   1. Ta có:   6:8:10 và a-b+c=16 |
| **Hoạt động 2: Một số bài toán về các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch (45 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch. Giải được một số bài toán đơn giản về các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch.  ***Phương pháp:*** Vấn đáp, gợi mở, thuyết trình.  ***Hình thức tổ chức hoạt động***: cá nhân, nhóm.  ***Phương tiện dạy học:*** thước thẳng, bảng trình chiếu, bảng nhóm.  ***Sản phẩm:*** Giải được một số bài toán đơn giản về các đại lượng tỉ lệ thuận và các đại lượng tỉ lệ nghịch. | |
| - GV cho 1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -GV: Nếu gọi số quyển sách của 3 bạn An, Bình và Cam lần lượt là x, y, z thì ta có tỉ lệ thức nào?  -HS: và a-b+c=8  -GV tổ chức cho HS thực hiện bài 3. HS thảo luận cặp đôi, sau đó đại diện trình bày.  - HS nhận xét, GV đánh giá.  - GV hướng dẫn HS kết luận hoàn thiện bài toán.  - GV hướng dẫn HS chốt lại phương pháp giải các bài toán có lời văn chia theo tỉ lệ.  HS chốt lại phương pháp giải.  - GV cho 1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -GV: Nếu gọi x, y (km/h) lần lượt là vận tốc của Mai và Hoa, theo dữ kiện bài toán cho ta được tỉ lệ thức nào? Vì sao?  -Một số HS trả lời.  -GV cho HS phân tích bài toán tìm ra câu trả lời đúng.  - GV cho 1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -GV yêu cầu hs hoạt động theo nhóm, làm bài trên bảng nhóm.  Các nhóm nhận xét chéo.  Giáo viên nhận xét, chấm điểm bài làm của các nhóm. | *Bài 3 trang 23*:  Gọi số quyển sách của 3 bạn An, Bình và Cam lần lượt là x, y, z.  Ta có:  và a-b+c=8  Vậy số quyển sách của 3 bạn An, Bình và Cam lần lượt là 6; 8; 10 quyển.  ***Phương pháp giải các bài toán có lời văn chia theo tỉ lệ:***  +Bước 1: Gọi các đại lượng cần tìm là x, y, z.  +Bước 2: Từ điều kiện bài toán đưa về dãy tỉ số bằng nhau.  +Bước 3: Dùng tính chất tỉ lệ thức và tính chất dãy tỉ số bằng nhau tìm x, y, z.  +Bước 4: Kết luận.  *Bài 2 trang 23*:  30 phút =  Gọi x, y (km/h) lần lượt là vận tốc của Mai và Hoa.  Vì vận tốc và thời gian là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên ta có:  và y-x=3  Vậy vận tốc của Mai và Hoa lần lượt là 12km/h; 15km/h.  *Bài 5 trang 23*:  Gọi số học sinh lớp 7A, 7B lần lượt là: x, y. (x,y ∈ N; x, y>0).  Theo đề bài ta có: x + y = 77, x = y.  ⇒  Vậy số học sinh lớp 7A và 7B lần lượt là: 35 học sinh và 42 học sinh. |

**C. Vận dụng (15 phút)**

| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| --- | --- |
| Mục tiêu: Hs vận dụng được các kiến thức vừa học để làm một số bài tập cụ thể.  Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Thuyết trình, đàm thoại. đọc và nghiên cứu tài liệu  Hình thức tổ chức hoạt động: cá nhân, nhóm.  Phương tiện dạy học: bảng nhóm, bảng trình chiếu .  Sản phẩm: Kết quả hoạt động của học sinh. | |
| - GV cho 1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -1 HS đọc yêu cầu của bài toán.  -GV yêu cầu hs hoạt động theo nhóm, làm bài trên bảng nhóm.  Các nhóm nhận xét chéo.  Giáo viên nhận xét, chấm điểm bài làm của các nhóm.Giáo viên nhận xét, chốt kiến thức, liên hệ thực tế. | *Bài 7 trang 23*:  Gọi t (giờ) là thời gian để 16 bạn vệ sinh xong lớp học.  Do thời gian làm vệ sinh và số học sinh là hai đại lượng tỉ lệ nghịch với nhau, nên ta có: 4. 2 = 16. t  ⇒ t = 4. 2 : 16 = 0,5.  Vậy nếu 16 bạn sẽ làm vệ sinh xong lớp học trong 0,5 giờ (hay 30 phút). |

**D. Hướng dẫn tự học: (5 phút)**

| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| --- | --- |
| **Mục tiêu:** Học sinh được hướng dẫn tự học ở nhà.  **Phương pháp dạy học:** Hướng dẫn, gợi ý HS. | |
| GV hướng dẫn HS tự học ở nhà. Ôn tập các kiến thức về tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau, đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch để làm bài 6, 8, 9 SGK/23. | + Lý thuyết: Ôn tập các kiến thức về tỉ lệ thức, tính chất dãy tỉ số bằng nhau, đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch  + Thực hành: làm các bài toán tìm x, y, z và các bài toán thực tế có sử dụng các kiến thức vể ***Các đại lượng tỉ lệ***.  + Bài tập: Làm bài 6, 8, 9 SGK/23. |

**IV. RÚT KINH NGHIỆM**

……………………………………………………………………………………